



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 08 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Trung tâm Huyết học và truyền máu**
Medical Laboratory: Hematology and Blood Transfusion Center

Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Bạch Mai**
Organization: Bach Mai Hospital

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Field of medical testing: Hematology

Người phụ trách/
Representative: **Nguyễn Tuấn Tùng**
Nguyen Tuan Tung

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 034**

Hiệu lực/ Validation: Từ ngày /08/2025 đến ngày 23/08/2030

Địa chỉ/ Address:
Số 78, đường Giải Phóng, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội
No. 78 Giai Phong street, Kim Lien ward, Ha Noi City

Địa điểm/Location:
Số 78, đường Giải Phóng, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội
No. 78 Giai Phong street, Kim Lien ward, Ha Noi City

Điện thoại/ Tel: **0243.5763647**

Email: **hhtmbm@gmail.com**

Website: **huyethocbachmai.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 034

Lĩnh vực xét nghiệm: Huyết học
Discipline of medical testing: Hematology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông) <i>Type of sample anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Máu toàn phần (EDTA) <i>Whole blood (EDTA)</i>	Đếm số lượng hồng cầu <i>Red blood cell (RBC) count</i>	Trở kháng <i>Impedance</i>	SOP.TB.006 (2024) (DXH 900) SOP.TB.011 (2024) (Advia 2120i) SOP.TB.001 (2024) (XN 10)
2.		Xác định lượng huyết sắc tố <i>Determination of hemoglobin (HGB)</i>	Đo quang <i>Colorimetric</i>	SOP.TB.007 (2024) (DXH 900) SOP.TB.012 (2024) (Advia 2120i) SOP.TB.002 (2024) (XN 10)
3.		Xác định lượng Hematocrit <i>Determination of hematocrit (HCT)</i>	Tính toán <i>Calculated</i>	SOP.TB.008 (2024) (DXH 900) SOP.TB.013 (2024) (Advia 2120i) SOP.TB.003 (2024) (XN 10)
4.		Đếm số lượng bạch cầu <i>White blood cell (WBC) count</i>	Trở kháng <i>Impedance</i>	SOP.TB.009 (2024) (DXH 900) SOP.TB.014 (2024) (Advia 2120i) SOP.TB.004 (2024) (XN 10)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 034

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông) <i>Type of sample anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
5.	Máu toàn phần (EDTA) <i>Whole blood (EDTA)</i>	Đếm số lượng tiểu cầu <i>Platelet (PLT) count</i>	Trở kháng <i>Impedance</i>	SOP.TB.010 (2024) (DXH 900) SOP.TB.015 (2024) (Advia 2120i) SOP.TB.005 (2024) (XN 10)
6.		Định nhóm máu hệ ABO Kỹ thuật trong ống nghiệm <i>ABO blood typing In vitro technique</i>	Phản ứng giữa kháng nguyên và kháng thể <i>Reaction between antigen and antibody</i>	SOP.TM.01 (2025)
7.		Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật trong ống nghiệm) <i>Rh(D) blood typing (In vitro technique)</i>	Phản ứng giữa kháng nguyên và kháng thể <i>Reaction between antigen and antibody</i>	SOP.TM.02 (2025)
8.	Máu toàn phần (Natri citrate) <i>Whole blood (Sodium citrate)</i>	Thời gian Prothrombin tính theo giây <i>Prothrombin Time (PT) in second</i>	Phương pháp phát hiện điểm đông <i>Clot detection methods</i>	SOP.ĐM.19 (2025) (Starmax)
9.		Thời gian Prothrombin theo ratio <i>Prothrombin Time (PT) in ratio</i>	Phương pháp phát hiện điểm đông <i>Clot detection methods</i>	SOP.ĐM.20 (2025) (Starmax)
10.		Thời gian Prothrombin theo INR <i>Prothrombin Time (PT) in INR</i>	Phương pháp phát hiện điểm đông <i>Clot detection methods</i>	SOP.ĐM.21 (2025) (Starmax)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 034

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông) <i>Type of sample anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
11.	Máu toàn phần (Natri citrate) <i>Whole blood (Sodium citrate)</i>	Thời gian thromboplastin từng phần hoạt hoá theo giây <i>Activated partial thromboplastin time (APTT) in second</i>	Phương pháp phát hiện điểm đông <i>Clot detection methods</i>	SOP.ĐM.22 (2025) (Starmax)
12.		Thời gian thromboplastin từng phần hoạt hoá theo giây <i>Activated partial thromboplastin time (APTT) in second</i>	Phương pháp phát hiện điểm đông <i>Clot detection methods</i>	SOP.ĐM.23 (2025) (Starmax)
13.		Xác định lượng fibrinogen <i>Determination of Fibrinogen</i>	Phương pháp phát hiện điểm đông <i>Clot detection methods</i>	SOP.ĐM.24 (2025) (Starmax)
14.	Dịch tủy xương (Heparin Sodium) <i>Bone marrow sample (Heparin Sodium)</i>	Công thức nhiễm sắc thể (Karyotype) tủy xương <i>Determination of bone marrow karyotype</i>	Nuôi cấy tế bào 24h, nhuộm băng G <i>24-hour culture, G-Banding</i>	SOP.DT.01 (2024) (Carl zeiss Imager.Z2)

Ghi chú/ Note:

- SOP.: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*

Trường hợp Trung tâm huyết học và truyền máu thuộc Bệnh viện Bạch Mai cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Hematology and Blood Transfusion Center under Bach Mai Hospital that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*